

Số: 68/2026/QĐST-DS

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 275, Điều 280, Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 70/2026/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần M1

Nay là: Công ty cổ phần M1 (M1)

- Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, Số B phố T, Phường Y, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Huy M - Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Ngô Thị N – chuyên viên xử lý nợ

Số CCCD: 038195xxxxxx

Địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà P số B, Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý Tích hợp 2.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hà Văn T1 – Chuyên viên xử lý nợ
Số CCCD: 038093xxxxxx

Địa chỉ: Tầng C TTTM P, số B Đại Lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Đinh Thị D1, sinh năm: 1986

Số CCCD: 038186xxxxxx

Địa chỉ: Thôn T (N là thôn T), xã T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số tiền vay nợ:** Tính đến ngày 09/9/2026 bà Đinh Thị D1 còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1); Công ty cổ phần M1 (M1) là 1.734.607.964 đồng (Một tỷ, bảy trăm ba mươi tư triệu, sáu trăm linh bảy nghìn, chín trăm sáu mươi tư đồng). Trong đó: Nợ gốc là 1.092.153.392 đồng; Nợ lãi là: 642.454.572 đồng. Cụ thể:

Nợ V1 số tiền là: 173.460.798 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm chín mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 109.215.340 đồng; Nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn là: 64.245.458 đồng.

Nợ J số tiền là 1.561.147.166 đồng (Một tỷ, năm trăm sáu mươi một triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 982.938.052 đồng; Nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn là: 578.209.114 đồng.

- **Về trách nhiệm trả nợ:** Chậm nhất ngày 09/10/2026, bà Đinh Thị D1 phải có trách nhiệm trả cho V1 và J toàn bộ số tiền nợ là 1.734.607.964 đồng (Một tỷ, bảy trăm ba mươi tư triệu, sáu trăm linh bảy nghìn, chín trăm sáu mươi tư đồng).

Kể từ ngày 10/9/2026 V1 và J được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng số LN2306129413041 và khế ước nhận nợ cùng ký ngày 27/7/2023 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 19/05/2022 (ký hiệu là LD2214502283) trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi tất toán hết khoản vay.

Trường hợp bà Đinh Thị D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận thì V1 và J có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền dư nợ thực tế chưa thanh toán và các khoản lãi, phí phát sinh. V1 và J còn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2203295470615 ngày 08/4/2022 để thu hồi nợ. Chi tiết tài sản bảo đảm như sau: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 35, tại địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành AQ122208, Sổ vào sổ cấp GCN: H00499 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/07/2009 mang tên ông Đinh Văn H và bà Trương Thị L; Ngày 11/03/2022, tại Văn phòng Đ1- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T chứng nhận tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị D1.

Tài sản này thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Đinh Thị D1. Hiện tại bà Đinh Thị D1 đang quản lý những tài sản nêu trên. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm

thu được sau khi trả nợ cho V1 và J nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là bà Đinh Thị D1, nếu thiếu bà Đinh Thị D1 tiếp tục phải hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với V1 và J.

- **Về chi phí tố tụng:** Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

- **Về án phí:** Bị đơn bà Đinh Thị D1 phải chịu 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp các bên đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trước khi mở phiên tòa, nên bà Đinh Thị D1 phải chịu 32.019.119 đồng (ba mươi hai triệu, không trăm mười chín nghìn, một trăm mười chín đồng) tiền án phí.

Trả lại cho J và V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.280.344 đồng (Ba mươi hai triệu, hai trăm tám mươi nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó trả cho V1 4.106.304 đồng, trả cho J 28.174.040 đồng theo biên lai thu tiền số 0002416 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang